

VỀ CỤM ĐỘNG TỪ TIẾNG VIỆT

ON VERB PHRASE OF VIETNAMESE

PHAN THỊ AI

(TS; Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Đặt vấn đề

Cụm từ không phải là một đơn vị ngôn ngữ, nhưng cụm từ chính là đơn vị cấu tạo nên câu trong giao tiếp, bên cạnh đơn vị từ, cụm từ là một đơn vị tương đương với từ về mặt chức năng ngữ pháp và có tần suất xuất hiện dày đặc trong câu tiếng Việt. Đã có nhiều nhà ngôn ngữ như Nguyễn Tài Cẩn, Diệp Quang Ban, Nguyễn Kim Thân, Nguyễn Phú Phong, Cao Xuân Hạo, Nguyễn Minh Thuyết,... nghiên cứu về cụm từ và tương đối thống nhất những kiến thức cơ bản về cụm từ. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày thêm một số ý để làm rõ hơn về cấu tạo của cụm động từ.

Theo Nguyễn Tài Cẩn, người đưa ra thuật ngữ đoạn ngữ dùng cho cụm từ, tác giả đã quan niệm đoạn ngữ là một loại tổ hợp tự do “gồm một thành tố trung tâm và một hay một số thành tố phụ vây quanh xung quanh trung tâm đó để bổ sung thêm một số chi tiết thứ yếu về mặt nghĩa” theo quan hệ chính phụ, có tổ chức phức tạp và có đầy đủ ý nghĩa hơn [2, 150]. Tác giả Nguyễn Kim Thân thì gọi là từ tổ và một số tác giả khác gọi là cụm từ.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ cụm từ và chủ yếu phân tích cụm từ chính phụ dựa theo quan điểm của tác giả Diệp Quang Ban: “Cụm từ là cái mở rộng một từ thành một tổ hợp theo quan hệ chính phụ” [1, 255] và cụm từ chính phụ cũng là dấu hiệu hình thức giúp cho việc xác định từ loại tiếng Việt.

Cấu trúc một cụm từ chính phụ đầy đủ có dạng như sau:

Thành tố phụ trước (PT)	Thành tố trung tâm (TT)	Thành tố phụ sau (PS)
Thực từ/ Hư từ	Thực từ (Danh, Động, Tính)	Từ, cụm từ (ĐL, CV, CP)
[1] Nhiều	sinh viên	ngủ vẫn
[2] đang	học	ngữ pháp tiếng Việt
[3] vô cùng	nghiêm túc	trong kì thi kết thúc học phần

Tuy nhiên, trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, cụm từ chính phụ thường được cấu tạo bởi: TTPT + TTTT hay TTTT + TIPS.

2. Cấu tạo của cụm động từ

Theo tác giả Diệp Quang Ban: “Cụm động từ là tổ hợp từ tự do không có quan hệ từ đứng đầu, có quan hệ chính phụ giữa đầu tổ với thành tố phụ, và đầu tổ là động từ.” với lưu ý “các thực từ đứng sau động từ chủ yếu là các bổ ngữ và gia ngữ (trạng ngữ), tức là những thành phần câu hiển nhiên, nên chúng không được coi là thành tố phụ (tôi nhấn mạnh) của động từ - đầu tổ” [1, 281]. Và tác giả đã khẳng định: “Bổ ngữ là thành phần câu có mặt do sự đòi hỏi của sự thể nêu ở vị tổ (động từ, tính từ, từ chỉ quan hệ) nằm trong vị ngữ, theo tên gọi, bổ ngữ là phần “thêm cho đủ” [...]. Bổ ngữ do vị tổ đòi hỏi và có quan hệ nghĩa với động từ, tính từ hoặc với thành phần khác trong câu.” [1, 35-36]. Tác giả cho rằng *Cậu bé xem hai con để đá nhau* là câu ghép chính phụ [1, 37]. Điều này mâu thuẫn với chính tác giả ở nội dung *câu phức có bổ ngữ là mệnh đề* (tôi nhấn mạnh) *Bọn trẻ đang xem hai con gà chọi nhau* [1, 212].

Quan niệm về bổ ngữ là thành phần do động từ/tính từ đòi hỏi “thêm cho đủ” chẳng lẽ lại không phải là thành phần phụ bổ sung nghĩa cho động từ/tính từ mà lâu nay sách ngữ văn trong nhà trường phổ thông đã giới thiệu. Và cũng chính tác giả là một trong những người ủng hộ quan điểm cho rằng bổ ngữ không phải là thành phần phụ của câu [7, 156-157]. Sách giáo khoa Ngữ văn 6 đã xác định: “Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện và cách thức hành động,... Ví dụ:

[11] *Em bé còn đang đùa nghịch ở sau nhà.* [NV6/1, 148]

Do vậy, theo chúng tôi, *thực từ làm bổ ngữ chính là phần phụ bổ sung nghĩa cho động*

từ/tính từ cho nên không thể không thuộc phạm vi cụm động từ.

[12] Chúng ta không phải làm những việc này cho họ nữa.

Trong ví dụ [12], không phải làm những việc này cho họ nữa là cụm động từ có phụ trước không, trung tâm phải và phụ sau làm những việc này cho họ nữa.

(1) Nhóm phụ từ bổ sung ý nghĩa về sự đồng nhất, tiếp diễn: <i>đều, cũng, vẫn, cứ,...</i>	(2) Nhóm phụ từ bổ sung ý nghĩa về thời gian: <i>từng, đã, sẽ, đang, mới, vừa,...</i>	(3) Nhóm phụ từ bổ sung ý nghĩa về sự phủ định: <i>không, chưa, chẳng,...</i>	(6) Nhóm phụ từ bổ sung ý nghĩa về tần số xuất hiện: <i>hay, thường, năng, ít,...</i>
		(4) Nhóm phụ từ bổ sung ý nghĩa về mức độ: <i>rất, hơi, khi,...</i>	
	(5) Nhóm phụ từ bổ sung ý nghĩa mệnh lệnh, cầu khiến: <i>hãy, đừng, chớ</i>		

Những phụ từ thuộc hai dòng trong cùng một cột thẳng đứng sẽ bài trừ nhau, các cột (2) & (5); (3), (4) & (5) không kết hợp được với nhau.

2.1.2. Thành tố phụ trước là thực từ (tính từ)

Trong cấu tạo cụm động từ, thành tố phụ trước thường là hư từ nhưng đôi khi cũng có thực từ và thường là những tính từ chỉ phẩm chất như *tích cực, hăng hái, chăm chỉ,...*; tính từ là từ láy tượng thanh, tượng hình,... như *tí*

Tóm lại, cụm động từ là cụm từ chính phụ trong mối quan hệ giữa thành tố chính/ thành tố trung tâm là động từ với thành tố phụ trước, thành tố phụ sau bổ sung nội dung ngữ nghĩa cho nó và giữ các chức vụ cú pháp của câu như động từ.

2.1. Thành tố phụ trước của cụm động từ

2.1.1. Thành tố phụ trước là phụ từ

tách, lộp độp, khắp khểnh, lộp khộp,... đảm nhận.

[13] a. Một số quan chức vẫn đang lạm dụng chức quyền gây hậu quả nghiêm trọng. - > Không thể nói “đang hãy/ rất hãy lạm dụng chức quyền...”

b. Chúng tôi vẫn thường đến thư viện để đọc sách.

c. cũng đã rất hay đến, cũng không hay xem, cứ hãy năng tập thể dục

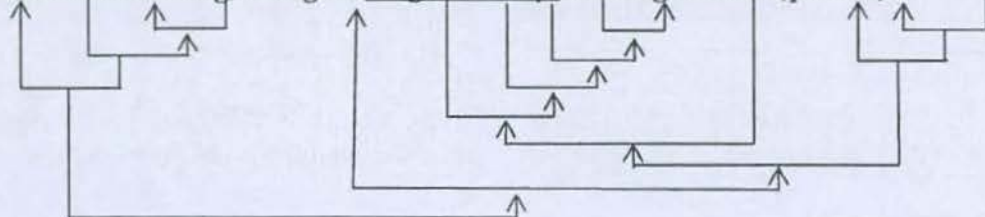
d. đang róc rách chảy, hăng hái phát biểu ý kiến,...

Có thể sắp xếp thứ tự của thành tố phụ trước của cụm động từ ở ví dụ [13] theo vị trí sau:

Phụ từ nhóm (1)	(-2)		(-1)		TT
	(a)	(b)	(a)	(b)	
	Phụ từ nhóm (2)	Phụ từ nhóm (3) hoặc (4) hoặc phụ từ nhóm (5)	Phụ từ nhóm (6)	Thực từ (tính từ)	
<i>vẫn</i>		<i>đang</i> (2)			<i>lạm dụng</i>
<i>cũng</i>		<i>đã rất</i> (2 + 4)	<i>hay</i>		<i>đến</i>
<i>cũng</i>		<i>không</i> (3)	<i>hay</i>		<i>xem</i>
<i>cứ</i>		<i>hãy</i> (5)	<i>năng</i>		<i>tập</i>
		<i>đang</i>		<i>róc rách</i>	<i>chảy</i>
				<i>hăng hái</i>	<i>phát biểu</i>

Có thể mô tả mối quan hệ ngữ pháp giữa các đơn vị trong câu để thấy rõ vị trí của thành tố trung tâm trong cụm bằng ví dụ sau:

[14] Vào mỗi buổi sáng, chúng tôi cũng đã rất hay đến công viên để tập thể dục.



2.2. Thành tố trung tâm

2.2.1. TT trung tâm được cấu tạo bởi một động từ

1a. Động từ độc lập là lớp động từ có nghĩa từ vựng đủ rõ.

[15] *Mặt trời chân lí chói qua tim.* (Tô Hữu)

[16] *Nó lại mừng nhau có lắm con.* (Tú Xương)

1b. Động từ không độc lập là lớp động từ mà nghĩa của nó chưa đủ rõ: *cần, phải, bị, được, mong, dám, toan, định, có thể,...* nên phải có những động từ khác hoặc thực từ đi sau bổ nghĩa cho nó.

[17] *Các bạn cần học tập tích cực hơn nữa.*

[18] a. *đang chúc sức khỏe nhau*

b. *cần hai thợ mộc*

c. *Chúng tôi cần các anh giúp cho một hôm nữa.*

Theo tác giả Diệp Quang Ban, danh từ ở 18a, cụm danh từ ở 18b, cụm C-V ở 18c in đậm “đứng sau động từ là bổ ngữ của chúng, sự kết hợp của chúng không nằm trong phạm vi cụm từ” [1, 287-288]. Theo chúng tôi, quan điểm này có hai điều không hợp lí. Thứ nhất, nếu cụm danh và cụm C-V trên nằm ngoài cụm từ thì ở 18b và vị tố của 18c chỉ còn lại có động từ *cần*, không còn là cụm động từ nữa. Thứ hai, cụm danh *hai thợ mộc* và cụm C-V *các anh giúp cho một hôm nữa* đều bổ nghĩa cho động từ không độc lập *cần* để tạo thành cụm động từ làm vị ngữ của câu.

2.2.2. TT trung tâm được cấu tạo bởi nhiều động từ

2.2.2.1. TT trung tâm là động từ được cấu tạo ghép đẳng lập

[19] *Chúng ta đã đang học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.*

[20] *Các cháu bé vẫn còn đang đi đứng chạy nhảy tung tăng trong sân trường.*

2.2.2.2. TT trung tâm là động từ được cấu tạo theo khuôn lấy nói nói cười cười, ăn ăn uống uống,... và tách xen chạy ngược chạy xuôi, nói xa nói gần, đi tới đi lui, nghĩ vớ nghĩ vẩn, ăn tái ăn lụi, ngó trước ngó sau,...

[21] *Mọi người cứ đi đi lại lại làm chóng cả mặt.*

[22] *Một số người cứ nói ra nói vào làm cho việc thực hiện kế hoạch bị chậm trễ.*

2.3. Thành tố phụ sau của cụm động từ

Quan điểm của tác giả Diệp Quang Ban là động từ có khả năng kết hợp với một số phó từ có quan hệ hữu cơ với nó như phó từ chỉ ý “kết thúc” rồi, xong, đã; chỉ cách thức diễn ra trong thời gian ngay, liền, tức khắc, dần, từ từ, nữa, hoài, luôn, mãi,...; chỉ mức độ lắm, quá đứng sau động từ trung tâm diễn đạt hiện tượng tâm lí; chỉ hướng ra, vào, lên, xuống, tới, lui, qua, lại, đi, về,...; chỉ ý cùng chung với, cùng, với nhau, cùng nhau; chỉ sự tự lực lấy, tự...lấy; chỉ kết quả được, mất, phải về phía sau, đó là các phó từ - thành tố phụ sau trong cụm động từ. [1, 294->298].

Theo quan điểm trên, thành tố phụ sau duy nhất chỉ có phó từ, không có thực từ. Vậy khi thành tố trung tâm là động từ không độc lập thì thường đứng sau nó là thực từ, trong đó có động từ, những từ này sẽ có vị trí nào trong cụm động từ. Điều này mâu thuẫn với nội dung trang 286 các cụm *được đi chơi, bị hỏng thi, phải học ngoại ngữ, chịu thua cuộc,...* tác giả đã xác định từ gạch chân là trung tâm của cụm động từ. Rõ ràng thành tố phụ sau ở đây không phải là phó từ. Hơn nữa, ở trang 287, tác giả phân tích câu *Họ định nghỉ ở Nha Trang, định là đầu tổ, nghỉ làm vị tổ* (trong phần vị ngữ) và ranh giới của cụm động từ đến đây là kết thúc còn ở *Nha Trang* là giới ngữ làm gia ngữ (trạng ngữ). Một lần nữa, ta thấy động từ *nghỉ* (thực từ) làm thành tố phụ sau của cụm động từ.

Và ở phần phân tích trên, phải chăng có sự nhầm lẫn giữa bổ ngữ và trạng ngữ. Nếu ở *Nha Trang* bổ nghĩa cho động từ *nghỉ* (đích đến) thì phải là bổ ngữ. Vì ở trang 37, câu *ông ấy đang ở ngoài vườn* tác giả đã xác định ngoài vườn là bổ ngữ cảnh huống (cụ thể là không gian: vị trí).

Tóm lại, các thành tố phụ sau của cụm động từ có thể sắp xếp ở các vị trí sau:

(+1) Động từ làm vị tố bổ sung nội dung cho nhóm động từ không độc lập ở trung tâm;

(+2) Các phó từ nêu trên thường được đặt ở sau động từ;

(+3) Danh từ, cụm danh từ, tính từ, cụm tính từ, giới ngữ,... làm rõ thêm nội dung chỉ tình thái, phương thức, đối tượng, nguyên nhân,

Cụm động từ nếu đầy đủ có thể sắp xếp như sau.

Thành tố phụ trước				Thành tố TT (0)	Thành tố phụ sau			
(-3)	(-2)		(-1)		(+1)	(+2)	(+3)	
Phụ từ nhóm (1)	(a)	(b)	(a)		(b)	Động từ vị tố	Phụ từ	Từ/ ngữ/ cụm
	Phụ từ nhóm (2)	Phụ từ nhóm (3) hoặc (4)	Phụ từ nhóm (6)	Thực từ				
	hoặc phụ từ nhóm (5)							
<i>vẫn</i>	<i>còn đang</i>				<i>cần</i>	<i>tuyển</i>	<i>ngay</i>	<i>20 công nhân phổ thông</i>
<i>cũng</i>	<i>không</i>		<i>hay</i>		<i>tranh luận</i>		<i>về</i>	<i>những vấn đề nhạy cảm</i>

3. Kết luận

Theo quan điểm của tác giả chương trình tiếng Việt ở phổ thông, cụm từ được xem là đơn vị tạo câu. Việc xác định cấu tạo của các thành phần trong cụm từ chính phụ nói chung và cụm động từ nói riêng, do đó, rất quan trọng. Hơn nữa, sơ đồ hóa vị trí của các thành phần sẽ làm nổi bật phần trung tâm của cụm, giúp ích cho việc rút gọn và mở rộng vốn từ tiếng Việt. Hiện nay, quan điểm nhập động từ và tính từ vào từ loại vị từ bởi tính lưỡng phân của chúng ngày càng được chấp nhận rộng rãi cho nên, việc nghiên cứu kĩ loại cụm động từ sẽ góp phần phân biệt động từ và tính từ trong hệ thống từ loại tiếng Việt. Bài viết này hi vọng góp thêm được một ý nhỏ làm rõ cấu tạo của cụm động từ nhằm phục vụ cho việc dạy và học tiếng Việt thuận lợi hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2013), *Ngữ pháp tiếng Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Ly Kha (2011), *Giáo trình tiếng Việt II*, Nxb Đại học Sư phạm.

mục đích, kết quả, nơi chốn, thời gian hay người hưởng lợi,... cho cụm động từ.

4. Cao Xuân Hạo (2000), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, Quyển 1, Nxb Giáo dục.

5. Nguyễn Phú Phong (2002), *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Nguyễn Kim Thành (1997), *Nghiên cứu Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

7. Nguyễn Minh Thuyết- Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Bùi Minh Toán - Nguyễn Thị Lương (2007), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm.

Abstract: Phrasal verbs, parts of key phrases, is one of the units that constitute the main component of the Vietnamese. Through the structure of verbs, they can be used to identify the types of verbs, distinguished from type verbs and adjectives. At the same time, through the knowledge of the term, students also learn how to expand and shorten sentence elements. Therefore, knowledge of the terms and its structure should have the consistency.

Key words: verbs; verb phrase; structure.